

Phan Trường Nghị

## NỖ LÒNG CAO BÁ QUÁT

### QUA BÌNH ĐỊNH TRÔNG LÊN NÚI CÙ MÔNG

Dãy Cù Mông là một nhánh của Trường Sơn chồm ra sát biển, làm ranh giới thiên nhiên giữa 2 tỉnh Bình Định và Phú Yên hiện nay. Xa xưa trước, năm 1471 đại quân vua Lê Thánh Tông chiếm lấy thành Đồ Bàn, dãy Cù Mông sau từng một thời là biên địa tranh chấp giữa Đại Việt và Chiêm quốc.

Còn Cao Bá Quát thì không chỉ là nhà thơ, là người hay chữ vào thời nhà Nguyễn, ông còn được biết đến là người từng tham gia cuộc chiến chống triều đình với vai trò là quân sư của Lê Duy Cự. Khởi nghĩa Lê Duy Cự nổ ra vào năm 1854 ở Mỹ Lương, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội), triều đình nhà Nguyễn gọi là giặc Châu Chấu (năm ấy châu chấu phá hoại mùa màng, dân tình đói khổ, nghĩa binh thừa cơ đứng dậy). Cuộc nổi dậy năm ấy bị binh triều nhanh chóng dập tắt, Cao Bá Quát mất theo cùng nó.

Cuộc đời con người tài hoa nhưng cứ gặp cảnh khốn cùng này có thể tóm tắt ngắn gọn như sau:

- Cao Bá Quát tên tự là Chu Thần, sinh năm 1809, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nay cũng thuộc về Hà Nội.
- Ông đỗ cử nhân năm Tân Mão - 1831, mãi đến năm 1841 mới được bổ làm Hành tẩu ở bộ Lễ. Tháng 8 âm lịch năm đó, triều đình cử Cao Bá Quát làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên. Nhưng vì ông dám dùng muối đền sửa chữa quyển thi của thí sinh có văn tài nhưng lỡ phạm húy, nên bị triều đình bắt tội.
- Sau 3 năm bị giam cầm với án trăm giam hậu, năm 1844 vua Thiệu Trị cho ông tham gia sứ đoàn của Đào Trí Phú, xuất dương để lập công chuộc tội (gọi là *ương trình hiệu lực*). Tháng 7 năm ấy hoàn thành sứ mệnh, được phục chức, nhưng ông lại lui về sống ở Thăng Long, Hà Nội.

- Năm 1847 triều đình lại triệu ông về triều, cho làm việc ở viện Hàn lâm. Năm 1850, người chuyên lo sưu tầm, sắp xếp văn thơ ở viện Hàn lâm ấy được cử làm Giáo thụ ở phủ Quốc Oai, Sơn Tây. Đến cuối năm, lấy cớ chịu tang cha, ông xin thôi chức.

- Năm 1854, Cao Bá Quát cùng Lê Duy Cự phát binh chống triều đình ở Mỹ Lương, và mất cùng với cuộc nổi dậy vào đầu năm 1855.

Vì bị xem là kẻ phản nghịch, văn thơ của ông bị thu đốt, cấm tàng trữ, lưu hành. Người đời sau sưu tập lại, trong những sưu tập ấy, có bài thơ ông viết khi đi qua địa phận Bình Định “*Qua Vùng Biển Bình Định Vọng Núi Cù Mông*”, nguyên văn:

### 過平定洋分望虬巒山

南風夜作(\*)濤聲  
既得虬蒙嶺外行  
曉望群山橫一帶  
億峰曲處舊鏖兵

### QUÁ BÌNH ĐỊNH DƯƠNG PHẬN VỌNG CÙ MÔNG SƠN

Nam phong dạ tác (\*) đào thanh  
Ký đắc Cù Mông lĩnh ngoại hành  
Hiểu vọng quần sơn hoành nhất đới  
Ức phong khúc xứ cựu ao binh

(\*) Bản bị mất một chữ, chỗ này có người thêm chữ [怒] “nộ”, có chỗ thay bằng chữ [吹] “xuy”. Xem ra “nộ đào thanh” hay hơn.

### QUA VÙNG BIỂN BÌNH ĐỊNH TRÔNG LÊN NÚI CÙ MÔNG

*Đêm gió Nam thổi, tiếng sóng dữ gầm gào  
Biết rằng đang đi ven bên ngoài núi Cù Mông  
Sáng ra trông lên những ngọn núi liền một dải  
Trên những đỉnh nhấp nhô trăm nghìn ngọn núi đó,  
xưa là nơi xảy ra những trận chiến lở đất long trời.*

Núi non nằm đó ngàn đời, sẽ phải tro bụi ngàn đời nếu đứng trước nó chỉ là những kẻ vô tình. Sẽ không thấy hòn Cù Mông cao chát ngất, sẽ không thấy nơi đây chôn cất những đống đau, nỗi lòng của những chinh phụ, chinh phu thời chinh chiến... Những nỗi ấy người đời sẽ không thấy, nếu như không có câu ca của vùng đất Bình Định - Phú Yên còn lưu lại:

*Tiếng ai than khóc nữ non*

*Vợ chàng lính thú trèo hòn Cù Mông*

Qua bài thơ của Cao Bá Quát, người đời như cùng thấy với ông dãy Cù Mông trùng trùng điệp điệp. Trên những đỉnh nhấp nhô trăm nghìn ngọn núi đó, còn lưu dấu ngày xưa là nơi đã xảy ra những trận đánh long trời lở đất. Trước một cảnh vật, người đã buồn thì bao giờ cảnh có vui đâu. Những trận kịch chiến giữa quân Tây Sơn cùng quân Gia Định của Nguyễn Ánh trên dãy Cù Mông, mà Cao Bá Quát như còn nghe được, vì trong chuyến hải hành đêm qua ông đã nao nao lòng cùng với tiếng sóng gầm theo trời dậy gió Nam.

Khi đứng trước dãy Cù Mông, vì sao Cao Chu Thần như riêng nghe có tiếng gươm đao của ngày trước.

- Xét lại thời điểm ra đời của bài thơ. Có thể hình dung được là ông làm ra lúc tham dự chuyến đi “*duyơng trình hiệu lực*”. Chuyến đi rời cảng Đà Nẵng tháng 12 âm lịch năm Quý Mão, dương lịch đã là đầu năm 1844. Đến tháng 7 sứ bộ từ Tân Gia Ba (Singapore) mang về, tiến lên vua “*chiếc thuyền nhỏ có máy đốt lửa*”. Theo *Đại Nam Thực Lục* thì Thiệu Trị xét thấy thuyền chạy nhanh như chớp, nhanh hơn cả ngựa phi nên cho đặt tên hiệu của nó là “Điện Phi”. *Thực Lục* còn diễn tả rất tỉ mỉ về kích thước, hình dáng con tàu, cách thức đốt than cho tàu chạy... cho tập trung các thuyền chiến cùng diễn tập với nó ở cửa biển Thuận An, hòng lo việc quân bị biên phòng.

Thực ra đây chỉ là thuyền buôn nhỏ, chạy bằng máy hơi nước, sứ bộ đã mua của người Anh ở Malaca – Malaysia, trị giá hơn 280.000 quan tiền. Cao Bá Quát cũng mô tả loại tàu tương tự mà ông đã gặp ở bên ấy, có trong bài cổ phong *Hồng Mao Hỏa Thuyền Ca*. Theo bản dịch của Hoàng Tạo (1900 – 1983):

*Đây là chiếc tàu Tây đang tiến lại veo veo*

*Cột tàu chót vót, quay gió lặng*

*Ổng khói đứng giữa nhả mây lưng trời cao*

*Dưới có hai gông xoay chuyển đập ngọn sóng*

*Guồng quay, sóng vỗ ầm ầm như sấm gào  
Có lúc chạy ngang, giạt lùi, nhanh hơn ngựa  
Không buồm, không lái, không người chèo  
Long Nha, Xích Khảm ngoài trăm dặm  
Phút chốc đề sóng, đến nhẹ vèo*

(...)

Chiếc “Điện Phi” mà sứ bộ mua về cho triều đình, Cao Bá Quát biết nó chẳng là gì trước lớp lớp hàng hàng tàu chiến của người Tây dương mà ông đã gặp ở Malaca, ở Tân Gia Ba. Tiếp xúc, mở rộng tầm mắt khi ra được với thế giới bên ngoài, Cao Bá Quát đã biểu hiện cái *giật mình* của kẻ có văn tài bấy lâu chỉ biết nhai chữ nhai văn, những con ếch ngồi đáy giếng trước văn minh cơ khí của phương Tây:

*Nhai văn nhả chữ buồn ta,  
Con giun còn biết đâu là cao sâu  
Tân Gia từ vượt con tàu,  
Mới hay vũ trụ một bầu bao la.  
Giật mình khi ở xó nhà,  
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.  
Không đi khắp bốn phương trời,  
Vùi đầu án sách uống đời làm trai*

(...)

+ Trúc Khê – Ngô Văn Triện, dịch bài của Cao Bá Quát “*Đề Sau Khúc Yên Đài Anh Ngữ Của Quan Đô Sát Hộ Bù*”.

● Xét theo mạch văn bài “*Qua Vùng Biển Bình Định Trông Lên Núi Cù Mông*” của Cao Bá Quát, trong bài có đưa lên hình ảnh gió biển thét khi đi đến vùng biển Bình Định. Có thể thấy được bài ông làm ra là lúc trên đường về triều, lúc có gió Nồm tháng 7 của năm 1844, Như vậy bài ông đã làm, là khi mà ông vừa tận mắt chứng kiến văn minh kỹ thuật cơ khí phương Tây đã áp sát khắp vùng Đông Nam Á. Trước đó 3 năm, vào tháng 11 âm lịch năm 1841, là năm vua Thiệu Trị đăng quang, hơn 60 phát súng đại bác người Pháp thi uy bắn vào vịnh Sơn Trà, đánh chìm mấy tàu bọc đồng tuần dương của binh triều. Cao Bá Quát đã linh cảm, hình dung họa ngoại xâm sẽ xảy ra chỉ trong một sớm một chiều.

Những vường vát về hình ảnh tàu chiến phương Tây dòm ngó đất nước, chúng luôn ám ảnh Cao Bá Quát. Ông luôn thể hiện nỗi lòng đó:

*“Nhất dạ trường phong hám hải đài  
Thuận An môn ngoại lãng như lôi...”.*

(Thập Ngũ Dạ Đại Phong)

Trong bài “*Đêm Rằm Ngày Gió Lớn*” này, ông đã cảm nhận được hình ảnh “Một đêm gió thét lộng hải đài canh ven biển / Ngoài cửa Thuận An tiếng sóng gầm vang như sấm”...

Hình ảnh sóng to gió mạnh chúng luôn thường trực trong tâm thức của ông, như hiểm họa ngoại xâm của đất nước đã luôn hiện diện hằng tháng hằng năm. Ngày sứ bộ về đi qua vùng biển Bình Định, đến đây ta rõ được vì sao ông trông vờ đỉnh núi Cù Mông mà lại nghe như có tiếng sắt tiếng vàng của gươm đao. Một ngày nào đó, non sông tránh sao khỏi binh đao như những trận kịch chiến xảy ra trên dãy Cù Mông ngày trước. Tiếng gươm đao mà sau đã trôi dạt trong ông hùng khí trận thủy chiến Xích Bích:

*“Thiên thu thượng tác Chu Lang khí  
Yếu đả Hồng Mao cự hạm hồi!”*

(Thập Ngũ Dạ Đại Phong)

“Hùng khí Chu Du nghìn năm trước dấy lên / Quyết đánh tàu chiến Tây dương chạy trở về”. Không loại trừ tiếng gươm đao trên đỉnh Cù Mông đã hun đúc trong ông tinh thần phản kháng, khiến ông sau đó tham gia cuộc nổi dậy ở Mỹ Lương của Lê Duy Cự.

Cùng một cảnh vật, nhưng mỗi người lại có riêng một biểu hiện cảm xúc. Hai mươi năm sau ngày Cao Bá Quát đi qua núi Cù Mông, Tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San khi thì Tri phủ Điện Bàn, khi thì Tri phủ An Nhơn ở Bình Định, phải ra vô Huế nên mấy lần vượt ải Hải Vân sơn, đã có câu thơ khi qua đây:

*Văn phi sơn thủy vô kỳ khí,  
Nhân bất phong sương vị lão tài*

Văn mà không có núi non sông nước thì không có thần khí / Người không có dải dầu sương gió thì chưa thể gọi là người già dặn, từng trải.

Trước một dãy núi hùng vĩ, người thì nghe có tiếng grom đao của một cuộc chiến, người thì dạn lòng trước những gian nan. Nhưng cả hai đều có những thần khí thể hiện trong văn thơ của mình. Câu văn, con chữ chỉ là *cái xác*. Tư tưởng, góc nhìn chỉ là *cái hồn*. Chúng chẳng sống đời được nếu chúng không có *cái thần khí* bên trong. Riêng với Cao Bá Quát, nỗi lòng của ông trước hiểm họa ngoại xâm, cái giạt mình của người đã thấy được văn chương chữ nghĩa chỉ là trò chơi. Thế mà từ vua tới quan vẫn vùi đầu với trò nhai văn nhả chữ... trách sao được Cao Bá Quát, khi đi qua Cù Mông ông chỉ nghe được tiếng grom đao của ngày xưa.

Núi Cù Mông đã không trợ trụ khi đã có người hữu tình vờ trông bóng nó. Người hữu tình Cao Bá Quát đã gởi nỗi lòng cho dãy Cù Mông hùng vĩ:

*Đêm chen Nôm dậy sóng gào  
Thuyền qua Cù lĩnh nao nao dậm ngàn  
Sớm trông non núi hàng hàng  
Nghe xưa tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.*

